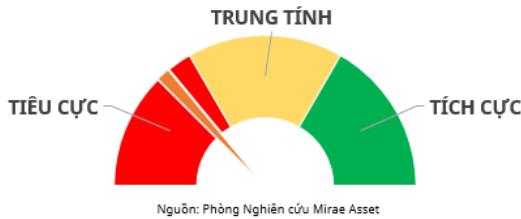


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

23 Tháng 09, 2022



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,203.28	-0.9	-5.3	-11.1
HNX	264.44	-0.5	-11.6	-26.8
UPCOM	88.59	0.0	-4.5	-9.9
MSCI EM	922.61	-1.0	-6.8	-27.5
NIKKEI	27,153.83	-0.6	-4.6	-8.4
HANG SENG	17,933.27	-1.2	-8.0	-26.8
KOSPI	2,290.00	-1.8	-6.0	-26.8
FTSE	7,108.75	-0.7	-5.1	0.4
S&P 500	3,757.99	-0.8	-9.0	-15.5
NASDAQ	11,066.80	-1.4	-10.6	-26.5

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	12.9	2.0	15.5
Indonesia	15.9	2.2	14.1
Philippines	16.2	1.6	10.1
Malaysia	15.9	1.4	8.8
Thái Lan	16.6	1.7	9.5

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.0	100	100	100
TPCP 5 năm	4.0	11	99	314
TPCP 10 năm	4.4	11	86	227

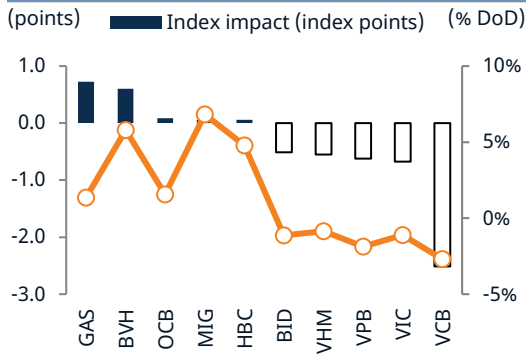
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,706	0.0	-1.2	-4.0
US\$/KRW	1,409.6	0.1	-4.5	-16.6
US\$/JPY	142.5	-0.1	-4.0	-22.6
US\$/EUR	1.0	0.8	2.2	20.3
US\$/GBP	0.9	0.9	6.1	23.0
US\$/SGD	1.4	-0.3	-2.2	-5.2

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	427	534	850
HNX	46	65	105
UPCOM	23	29	63

### Các cổ phiếu tác động VN-Index



### Nhận định thị trường

#### Liên tục đón nhận tin không tích cực, VN-Index lùi về sát mốc 1.200

Tiếp tục trải qua 1 tuần giảm điểm khi NĐT đối mặt với các thông tin không thuận lợi. Mở cửa tuần với phiên giảm mạnh sau các thông tin về lạm phát Châu Âu và phát biểu cứng rắn của Chủ tịch FED về quan điểm kiểm soát lạm phát, VN-Index đã tiến sát mốc 1.200. Ngưỡng 1.200 đã trở thành điểm tựa quan trọng cho VN-Index trong tuần, chỉ số cũng đã xuất hiện 2 phiên tăng điểm vào các ngày 20 và 22/09, tuy nhiên các nỗi lo ngại vẫn hiện hữu khiến VN-Index chốt tuần ở mốc 1.203,2, giảm 30,75 điểm (-2,49%) so với mức đóng cửa cuối tuần trước.

Trong diễn biến tiêu cực chung của VN-Index một ngành đã đi ngược được thị trường trong tuần như Bảo hiểm (BVH, BMI, VNR), trong đó BVH cũng xếp vị trí thứ 2 trong top 10 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực. Ngoài Bảo hiểm, nhóm cổ phiếu ngành Xây dựng cũng được kỳ vọng được hưởng lợi từ đầu tư công, dẫn đầu là HHV với mức tăng 8,4% trong tuần đã giúp VN-Index tăng 0,1 điểm và xếp thứ 7 trong top 10. Chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu Ngân hàng đã đồng loạt giảm sau thông tin NHNN nâng lãi suất điều hành 1% và chiếm 5/10 vị trí trong top 10 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng nhưng giá trị chỉ còn gần 370 tỷ đồng trong tuần. KDH và chứng chỉ quỹ VN-Diamond (FUEVFVND) là 2 mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt 166 tỷ đồng và 127 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, khối này mua mạnh HPG với giá trị 270 tỷ đồng trong tuần.

Xu hướng ngắn hạn vẫn duy trì trạng thái giảm điểm, mốc hỗ trợ gần nhất là 1.200. Trong khi đó xu hướng trung hạn của VN-Index duy trì ở trạng thái đi ngang tại vùng 1.160 – 1.200. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-7 (TIÊU CỰC)**. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đạt 12,9x.

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [phuong.pb@miraeeasset.com.vn](mailto:phuong.pb@miraeeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-6	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-7	TIÊU CỰC
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

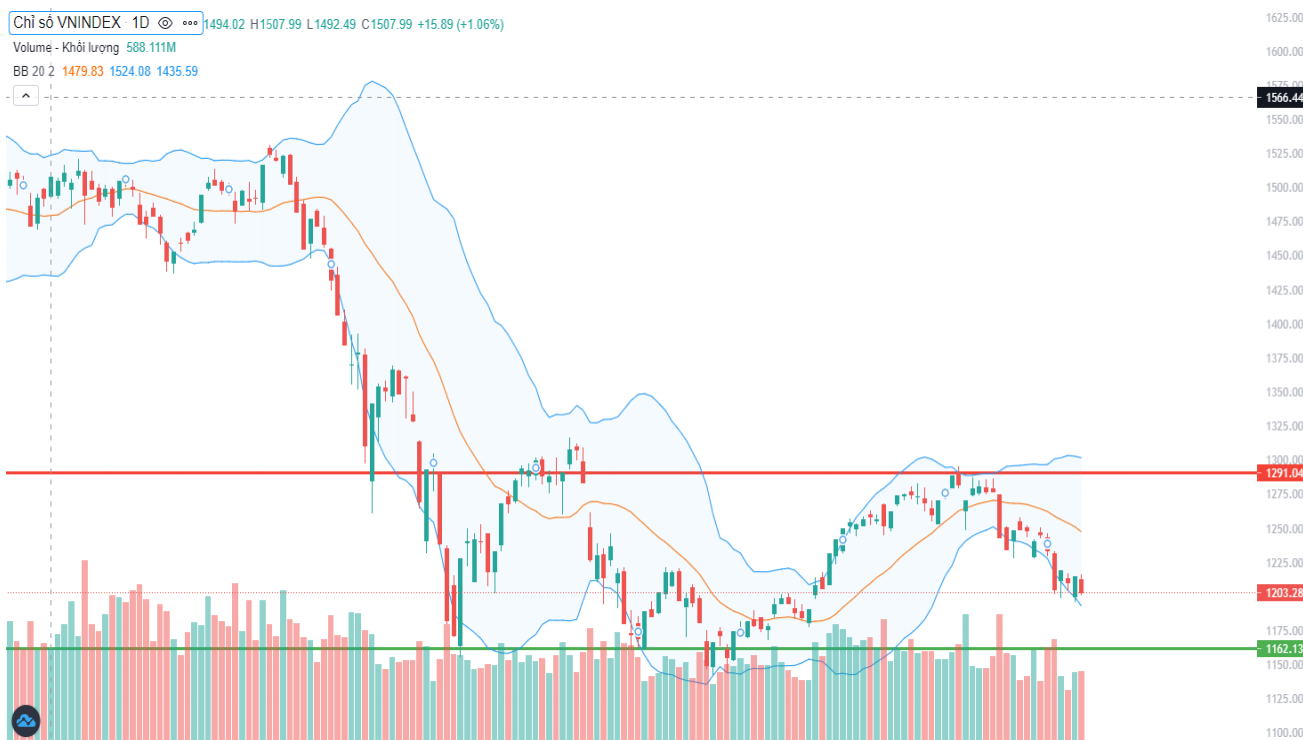
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-7	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN FIN SELECT	-5	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Điểm số	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (22/09/2022)	1.203	Kháng cự 1	<b>1.240</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	<b>1.270</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	<b>1.180</b>

Xu hướng trung hạn của VN-Index đang trong trạng thái đi ngang, vùng dự báo của chúng tôi là 1.160 – 1.200.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (22/09/2022)	1.210	Kháng cự 1	<b>1.260</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.280</b>
VN30 - đóng cửa	1228	Hỗ trợ 1	<b>1.208</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-5,41</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.190</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>-7</b>	<b>TIÊU CỰC</b>

VN30F1M trở lại vùng đáy của năm 2022.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PLC	Nhựa đường	30,300	371,835	95	4	
FCN	Xây dựng	16,850	2,969,230	85	4	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HCM	26.5	6,666,225	4	KHẢ QUAN	12,116	10.5	1.5	177
VCG	25.2	6,547,805	4	KHẢ QUAN	12,244	13.1	1.8	165
VPI	60.7	929,350	4	KHẢ QUAN	14,689	25.0	4.5	56
FCN	16.4	3,193,645	4	KHẢ QUAN	2,582	83.9	1.0	52
LCG	11.65	3,745,050	4	KHẢ QUAN	2,209	11.7	0.9	44
HAG	13.9	21,597,076	3	TRUNG TÍNH	12,891	18.0	2.9	300
HBC	19.7	3,372,255	3	TRUNG TÍNH	5,178	50.9	1.4	66
DXG	24.8	10,619,815	2	TRUNG TÍNH	15,067	20.3	1.6	263
KBC	29.6	6,966,980	2	TRUNG TÍNH	22,721	91.3	1.6	206
NT2	31.15	2,230,655	2	TRUNG TÍNH	8,967	10.0	2.0	69
PNJ	113.9	577,480	2	TRUNG TÍNH	28,020	19.1	3.4	66
HUT	26.1	2,454,045	2	TRUNG TÍNH	9,099	34.8	2.3	64
HHV	16.2	2,855,750	2	TRUNG TÍNH	4,332	15.2	0.7	46
ITA	5.72	7,562,160	2	TRUNG TÍNH	5,367	16.8	0.5	43
TCM	43.2	672,065	2	TRUNG TÍNH	3,540	27.9	1.9	29
BVH	58.4	1,506,360	1	TRUNG TÍNH	43,352	24.2	2.0	88
MIG	22.7	1,337,195	1	TRUNG TÍNH	3,733	19.4	2.1	30
SSI	20.65	17,119,796	0	TRUNG TÍNH	30,751	7.7	1.5	354
DBC	26.6	5,615,200	0	TRUNG TÍNH	6,437	23.6	1.3	149
CII	21.7	6,221,810	0	TRUNG TÍNH	5,473	15.0	1.0	135
SHS	11.2	8,264,145	0	TRUNG TÍNH	9,107	9.0	1.0	93
GAS	112.5	425,775	0	TRUNG TÍNH	215,319	16.9	3.6	48
GMD	48.6	852,075	0	TRUNG TÍNH	14,677	18.0	2.1	41
TCH	11	3,760,360	0	TRUNG TÍNH	7,350	16.4	0.8	41
IJC	20.6	1,625,135	0	TRUNG TÍNH	4,472	9.2	1.2	33
EIB	34.7	827,915	0	TRUNG TÍNH	42,661	20.9	2.2	29
HNG	6.4	7,465,770	-1	TRUNG TÍNH	7,095	#N/A N/A	2.5	48
VND	18.55	17,426,824	-2	TRUNG TÍNH	22,591	4.6	1.6	323
PVD	22.2	12,139,395	-2	TRUNG TÍNH	12,341	#N/A N/A	0.9	269
NVL	84.5	3,067,660	-2	TRUNG TÍNH	164,761	51.2	4.4	259
VNM	76.7	1,954,345	-2	TRUNG TÍNH	160,300	18.9	4.7	150
PAN	26	3,273,240	-2	TRUNG TÍNH	5,431	13.9	1.3	85

DGW	72.6	1,152,000	-2	TRUNG TÍNH	11,839	16.1	5.8	84
ASM	16.7	4,520,600	-2	TRUNG TÍNH	5,620	6.8	1.0	75
VIC	62.6	965,275	-2	TRUNG TÍNH	238,752	#N/A N/A	2.2	60
VRE	28.5	1,416,320	-2	TRUNG TÍNH	64,761	50.0	2.0	40
TLG	64.9	620,840	-2	TRUNG TÍNH	5,049	14.0	2.6	40
VIB	22.3	1,731,345	-2	TRUNG TÍNH	47,001	6.5	1.7	39
TNG	23.2	1,620,540	-2	TRUNG TÍNH	2,439	8.0	1.6	38
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	2,535	#N/A N/A	0.3	31
NKG	21.15	14,308,965	-4	TIÊU CỰC	5,568	3.0	0.9	303
DCM	36.25	7,236,890	-4	TIÊU CỰC	19,191	5.2	1.9	262
PVS	26.3	9,817,310	-4	TIÊU CỰC	12,571	23.8	1.1	258
IDC	52.9	4,541,590	-4	TIÊU CỰC	17,457	10.1	3.2	240
DPM	49.5	4,025,520	-4	TIÊU CỰC	19,371	3.4	1.4	199
HSG	16.2	12,225,820	-4	TIÊU CỰC	9,689	4.6	0.8	198
VCI	32.6	5,771,220	-4	TIÊU CỰC	14,197	9.3	2.0	188
BSR	22.8	8,159,100	-4	TIÊU CỰC	70,691	10.8	1.9	186
GEX	21	8,682,075	-4	TIÊU CỰC	17,881	24.8	1.4	182
FRT	85.4	1,908,055	-4	TIÊU CỰC	10,118	17.0	5.5	163
CEO	26.4	3,562,840	-4	TIÊU CỰC	6,794	27.2	2.2	94
HDG	45.4	1,964,190	-4	TIÊU CỰC	11,105	7.9	2.3	89
PC1	38.7	2,140,980	-4	TIÊU CỰC	9,101	18.6	1.9	83
HAH	52.2	1,500,850	-4	TIÊU CỰC	3,565	5.7	1.9	78
BCG	14.65	5,345,275	-4	TIÊU CỰC	7,815	8.3	1.1	78
VHC	83.6	919,300	-4	TIÊU CỰC	15,330	7.4	2.1	77
VGC	58.9	1,302,200	-4	TIÊU CỰC	26,408	13.5	3.4	77
REE	83.6	865,730	-4	TIÊU CỰC	29,712	12.7	2.1	72
KDC	63.8	1,129,060	-4	TIÊU CỰC	16,054	28.2	2.4	72
ANV	44.7	1,392,140	-4	TIÊU CỰC	5,683	11.6	2.0	62
GVR	23.35	2,626,105	-4	TIÊU CỰC	93,400	20.1	1.9	61
PVT	21.3	2,878,100	-4	TIÊU CỰC	6,894	10.7	1.3	61
PHR	62.2	906,930	-4	TIÊU CỰC	8,428	12.7	2.6	56
PVC	20.8	2,497,360	-4	TIÊU CỰC	1,040	266.9	1.5	52
BID	34.75	1,387,730	-4	TIÊU CỰC	175,784	13.6	1.9	48
CTD	69.2	625,360	-4	TIÊU CỰC	5,111	#N/A N/A	0.6	43
PET	39.05	1,032,150	-4	TIÊU CỰC	3,508	13.9	1.9	40
SZC	47	821,870	-4	TIÊU CỰC	4,700	20.6	3.2	39
SCR	10	3,433,825	-4	TIÊU CỰC	3,664	27.9	0.7	34
VPG	25.05	1,338,575	-4	TIÊU CỰC	2,009	5.1	1.3	34
POW	13.4	17,027,430	-5	TIÊU CỰC	31,381	19.8	1.1	228
VHM	57.2	1,883,535	-5	TIÊU CỰC	249,070	8.8	2.1	108
TCB	34.2	2,801,455	-5	TIÊU CỰC	120,290	5.9	1.2	96
VIX	11.05	7,129,395	-5	TIÊU CỰC	6,433	6.6	0.8	79
NLG	35.5	2,011,420	-5	TIÊU CỰC	13,594	18.1	1.6	71
PLX	37.25	1,252,240	-5	TIÊU CỰC	47,266	51.5	2.0	47
KDH	31.3	1,386,935	-5	TIÊU CỰC	22,437	17.8	2.1	43
HPG	22.7	19,737,710	-6	TIÊU CỰC	131,996	4.8	1.3	448
MBB	21	7,455,555	-6	TIÊU CỰC	95,214	6.1	1.4	157
SHB	13.1	9,450,470	-6	TIÊU CỰC	34,936	4.8	0.9	124

FPT	82.4	1,235,230	-6	TIÊU CỰC	90,395	18.3	4.6	102
ACB	22.6	2,233,385	-6	TIÊU CỰC	76,330	6.5	1.5	50
HTP	48.8	1,010,935	-6	TIÊU CỰC	4,480	2,263.5	4.6	49
LPB	13.8	3,427,285	-6	TIÊU CỰC	20,749	4.3	0.9	47
TDC	23	1,613,375	-6	TIÊU CỰC	2,300	27.1	1.8	37
TPB	25.05	1,131,830	-6	TIÊU CỰC	39,623	7.1	1.4	28
VPB	28.75	12,648,880	-7	TIÊU CỰC	128,670	7.7	1.4	364
DGC	93.5	3,452,010	-7	TIÊU CỰC	34,711	7.5	3.8	323
MWG	69.4	4,406,920	-7	TIÊU CỰC	101,581	20.2	4.5	306
DIG	32.15	7,016,330	-7	TIÊU CỰC	19,607	18.2	2.6	226
STB	21.45	9,808,245	-7	TIÊU CỰC	40,438	11.3	1.1	210
PDR	50.8	2,124,660	-7	TIÊU CỰC	34,120	16.3	4.4	108
VCB	75.9	1,143,100	-7	TIÊU CỰC	359,198	14.4	2.9	87
HDC	42.4	1,975,470	-7	TIÊU CỰC	4,583	13.8	2.9	84
IDI	18.8	4,256,510	-7	TIÊU CỰC	4,280	8.2	1.3	80
CTG	25	2,608,465	-7	TIÊU CỰC	120,144	8.2	1.2	65
VJC	112.8	566,085	-7	TIÊU CỰC	61,094	640.3	3.6	64
MSN	108.6	562,865	-7	TIÊU CỰC	154,617	15.1	5.3	61
DPG	43.25	1,207,230	-7	TIÊU CỰC	2,725	7.2	1.8	52
HDB	24.3	1,631,025	-7	TIÊU CỰC	48,897	7.0	1.5	40

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## **Thông tin cập nhật**

### **Kỷ nguyên lãi suất âm tại châu Âu kết thúc**

Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ đã tăng lãi suất chuẩn lên 0,5% - một sự thay đổi nhằm chấm dứt kỷ nguyên lãi suất âm ở châu Âu vào ngày 22/9. Động thái này diễn ra sau khi lạm phát ở Thụy Sĩ đạt 3,5% vào tháng trước - mức cao nhất trong 3 thập kỷ.

Hồi giữa tháng 6, ngân hàng trung ương Thụy Sĩ đã nâng lãi suất chính sách lần đầu tiên trong 15 năm, lên mức -0,25%. Trước đó, con số này được duy trì ổn định ở mức -0,75% kể từ năm 2015.

Ngân hàng này cho biết, việc tăng lãi suất chính sách nhằm “chống lại sự gia tăng mới của áp lực lạm phát và sự lây lan sang hàng hóa, dịch vụ”, đồng thời nhấn mạnh đó là chính sách “không thể bị loại trừ”.

Theo một cuộc thăm dò của Reuters, Thụy Sĩ là quốc gia cuối cùng ở châu Âu áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng, trong bối cảnh các ngân hàng trung ương khu vực đã tích cực tăng lãi suất để giải quyết lạm phát tăng cao.

Như vậy, Nhật Bản hiện là nền kinh tế lớn cuối cùng có mức lãi suất âm, sau khi Ngân hàng Trung ương nước này quyết định giữ nguyên lãi suất -0,1% vào ngày 22/9.

### **Thử thách của Fed: Trung bình lạm phát mất 10 năm để quay về mức 2%**

Trong hơn một năm qua, phần lớn các chuyên gia và nhà đầu tư đã liên tục đánh giá sai lầm bản tính dai dẳng của lạm phát. Bây giờ, họ có thể đang tiếp tục bỏ lỡ một thực tế quan trọng khác.

Theo ông Thanos Vamvakidis, chuyên gia của Bank of America Securities tại Anh, lịch sử cho thấy một khi vượt quá 5% thì trung bình lạm phát phải mất đến 10 năm để quay trở lại mức 2%. Con số này được rút ra từ dữ liệu thu thập trong hàng chục năm từ các nền kinh tế tiên tiến.

Ông Vamvakidis chỉ ra rằng khoảng thời gian này dài hơn nhiều dự đoán phổ biến hiện nay là lạm phát tại các nước G-10 sẽ giảm còn 2% vào năm 2024.

### **Ngân hàng đồng loạt tăng mạnh lãi suất huy động, nhiều kỳ hạn niêm yết ở mức tối đa cho phép**

Ngày 22/9/2022, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Quyết định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức (trừ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, từ 23/9, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng đã tăng 0,3%/năm lên 0,5%/năm. Mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tăng 1%/năm lên 5%/năm.

Ngay sau thông báo của Ngân hàng Nhà nước, một loạt ngân hàng đã điều chỉnh biểu lãi suất huy động ngay trong sáng nay (23/9). Cụ thể, ACB là một trong những ngân hàng tư nhân lớn đầu tiên công bố biểu lãi suất huy động mới với lãi suất cao nhất dành cho kỳ hạn 1 - 3 tháng đã tăng lên mức tối đa cho phép là 5%/năm, áp dụng cho gói “Tài Lộc”, lĩnh lãi cuối kỳ. Trước đó, mức lãi suất cao nhất áp dụng cho các kỳ hạn này là 4%/năm.

Không chỉ tại các kỳ hạn ngắn, lãi suất huy động các kỳ hạn dài trên 6 tháng cũng được ACB đồng loạt điều chỉnh tăng từ 0,3 - 0,5 điểm %. Trong đó, lãi suất cao nhất mà ngân hàng niêm yết đã lên tới 7,2%/năm áp dụng cho kỳ hạn 36 tháng tại sản phẩm “Chọn sống mới, trọn chất tôi”, lĩnh lãi cuối kỳ.

SHB cũng vừa công bố biểu lãi suất mới áp dụng từ ngày 23/9 với các kỳ hạn dưới 1 tháng được điều chỉnh lên mức tối đa 0,5%/năm. Lãi suất các kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng đều tăng 0,8 - 0,9 điểm % so với trước đó lên dao động trong khoảng 4,4 - 4,8%. Lãi suất áp dụng cho các kỳ hạn dài hơn cũng đồng loạt tăng thêm 0,4 - 0,5 điểm % so với trước đó.

Theo biểu lãi suất mới nhất vừa được Kienlongbank công bố, lãi suất tất cả các kỳ hạn dưới 1 tháng đã tăng lên mức tối đa được phép theo quy định mới là 0,5%/năm từ mức 0,2%/năm trước đó; trong khi lãi suất huy động dành cho các kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng cũng tăng từ mức 4%/năm lên chạm trần 5%/năm.

Lãi suất các kỳ hạn 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng và 13 tháng cũng được điều chỉnh tăng 0,2 điểm % so với biểu cũ; trong khi một số kỳ hạn dài hơn có lãi suất huy động giảm nhẹ.

### **Tỷ giá USD/VND trước hành động của Fed**

Tỷ giá trung tâm VND/USD sáng 22/9 được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố ở mức 23.316, tăng 15 đồng so với hôm qua. Ngày 19/9, tỷ giá trung tâm cũng tăng 12 đồng so với cuối tuần trước. Sau 5 phiên thay đổi, tỷ giá trung tâm tăng 57 đồng. So với đầu năm, tỷ giá trung tâm tăng 171 đồng, tương đương 0,73%.

Tỷ giá tham khảo USD tại Sở giao dịch NHNN tiếp tục duy trì ở mức 23.700 đồng (bán ra) ngày 22/9. Vietcombank niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.515 - 23.825 đồng/USD, tăng 15-10 đồng so với phiên hôm qua. VietinBank niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.553 - 23.853 đồng/USD, tăng 20 đồng cả hai chiều. Trong khi tại ACB, giá bán USD ở mức 23.900 đồng/USD và mua vào là 23.530 đồng/USD.

Giá USD thị trường tự do sáng 22/9 được giao dịch phổ biến quanh mốc 24.060 - 24.130 đồng (mua vào - bán ra), tương đương phiên giao dịch hôm qua.

Trên thị trường ngoại hối, từ đầu năm đến nay, đồng VND đã mất giá hơn 3,8% so với đồng USD, tỷ giá USD/VND ở mức 23.690 đồng/USD lên cao nhất từ trước tới nay.

### **IMF nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022**

Trang mạng imf.org của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) ngày 6/9 đăng bài viết đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Theo bài viết, trong nửa đầu năm 2022, kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh chóng sau khi nới lỏng các biện pháp kiểm soát dịch COVID-19 và áp dụng chiến lược sống chung với COVID-19 cũng như tiến hành chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn.

Chính phủ thực hiện các chính sách hỗ trợ như lãi suất thấp, tăng trưởng tín dụng mạnh và chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, cùng với đó là hoạt động sản xuất tăng cao và sự phục hồi trong hoạt động bán lẻ và du lịch.

Mới đây, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022, cao hơn 1 điểm phần trăm so với mức dự báo của 3 tháng trước đó và là lần điều chỉnh tăng mạnh duy nhất trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á.

IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 còn 6,7%, tức giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Tuy nhiên, con số này vẫn khả quan so với viễn cảnh u ám ở các nước khác và là mức tăng trưởng nhanh nhất trong số các nền kinh tế lớn của châu Á.

Theo báo cáo cập nhật Triển vọng kinh tế thế giới mới nhất của IMF, thể chế tài chính này dự báo mức tăng trưởng kinh tế của khu vực châu Á lần lượt giảm còn 4,2% và 4,6% năm 2022 và năm 2023.

Bài viết đề cập đến áp lực lạm phát của Việt Nam chủ yếu ở một số hàng hóa như nhiên liệu và các dịch vụ liên quan như vận tải.



Người tiêu dùng hầu như không bị ảnh hưởng bởi giá thực phẩm tăng vọt trên toàn cầu vì nguồn cung trong nước dồi dào, giá thịt lợn giảm so với mức đỉnh của năm 2021, giá gạo vẫn rẻ hơn so với các loại ngũ cốc khác như lúa mì. Hơn nữa, giá các dịch vụ như y tế và giáo dục cũng tăng vừa phải.

Tại Việt Nam, giá tiêu dùng trong bảy tháng kể từ đầu năm 2022 vẫn tăng nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu 4% của Ngân hàng Nhà nước. Sự phục hồi kinh tế chậm chạp trong năm 2021 đã giúp duy trì mức lạm phát cơ bản thấp hơn các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, lạm phát có thể gia tăng khi hoạt động kinh tế trở lại bình thường. Chi phí vận tải và các mặt hàng như phân bón và thức ăn chăn nuôi tăng có thể khiến giá nhiều loại hàng hóa và dịch vụ tăng, gây thêm áp lực lạm phát.

### **Giá cá tra đông lạnh Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ tăng 56%**

Theo thống kê Hải quan Việt Nam, 8 tháng đầu năm 2022, XK cá tra Việt Nam đạt trên 1,8 tỷ USD, tăng 81% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, XK cá tra sang thị trường Mỹ chiếm 23% với hơn 421 triệu USD, tăng 87%.

Riêng trong tháng 8/2022, XK cá tra sang Mỹ đạt 33 triệu USD, tăng 45% so với cùng kỳ. Con số tăng trưởng này không phản ánh xu hướng tích cực vì tháng 8/2021 là thời điểm XK cá tra giảm sâu do tác động của đại dịch Covid. Doanh số cá tra sang Mỹ trong tháng 8 chỉ cao hơn một chút so với mức thấp gần 32 triệu USD trong tháng 7.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, sản phẩm cá tra phile đông lạnh chiếm 87% giá trị XK cá tra sang Mỹ. Ước tính Việt Nam XK khoảng 94 nghìn tấn cá tra phile đông lạnh sang Mỹ trong giai đoạn này. Giá trung bình cá tra phile đông lạnh XK sang Mỹ trong tháng 8/2022 vẫn giữ được mức cao 5 USD/kg. Tuy nhiên, sau khi đạt mức cao từ tháng 3 – tháng 5 với khối lượng khoảng 13,5 – 16 nghìn tấn/tháng, XK cá tra sang thị trường này bắt đầu chững lại từ tháng 6, giảm xuống mức thấp nhất trong tháng 7 và hồi phục nhẹ trong tháng 8.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp Mỹ, 7 tháng đầu năm nay, Mỹ NK tổng cộng 95,4 nghìn tấn cá tra đông lạnh, trị giá gần 403 triệu USD, tăng 35% về khối lượng và 106% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

### **Lần đầu tiên xuất khẩu hàng dệt may đạt hơn 4 tỷ USD/tháng**

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 3 tháng gần đây xuất khẩu mặt hàng dệt may (bao gồm xơ, sợi, vải các loại) tăng trưởng tốt và liên tiếp lập kỷ lục về giá trị. Đặc biệt trong tháng 8, lần đầu tiên giá trị xuất khẩu của ngành này đạt tới con số hơn 4,3 tỷ USD/tháng, tăng 10,2% so với tháng trước đó.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 8, xuất khẩu hàng dệt may đạt gần 30 tỷ USD, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm 2021.

Các thị trường chủ lực của sản phẩm dệt may Việt Nam đều có mức tăng trưởng hai con số so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể thị trường Mỹ đạt hơn 13 tỷ USD, tăng 16%, Hàn Quốc đạt trên 2,4 tỷ USD, tăng 14,3%...

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu nguyên phụ liệu của nhóm hàng dệt may trong tháng 8 đạt 2,4 tỷ USD, tăng 7,2% so với tháng trước. Tính chung trong 8 tháng, tổng trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này trên 19 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

### **Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) thu về 14.500 tỷ đồng trong tháng 8**

Thông tin từ CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (Mã: BSR) - đơn vị quản lý, vận hành Nhà máy Lọc dầu (NMLD) Dung Quất, tính đến hết tháng 8/2022, công ty đã sản xuất hơn 4,6 triệu tấn xăng, dầu và xuất bán ra thị trường 4,5 triệu tấn. Điều này giúp ổn định nguồn cung cho thị trường trong nước trong bối cảnh NMLD Nghi Sơn hoạt động thiếu ổn định, việc nhập khẩu xăng dầu phụ thuộc nhiều yếu tố bên ngoài.

Kết quả, 8 tháng đầu năm 2022, BSR ghi nhận tổng doanh thu hơn 113.000 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước ước đạt hơn 13.000 tỷ đồng, lần lượt tăng 86% và gấp đôi cùng kỳ. So với kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất cả năm là 91.678 tỷ đồng, BSR đã vượt 23% mục tiêu đề ra sau 8 tháng.

7 tháng đầu năm, sản lượng tiêu thụ của BSR là 3,9 triệu tấn, doanh thu 98.500 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 13.300 tỷ đồng. Như vậy tính riêng trong tháng 8, sản lượng tiêu thụ là 0,6 triệu tấn, doanh thu là 14.500 tỷ đồng.

### ASM hủy phương án chào bán hơn 168 triệu cp

HĐQT CTCP Tập đoàn Sao Mai (HOSE: ASM) vừa thông qua nghị quyết hủy phương án phát hành hơn 168 triệu cp cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ được HĐQT thông qua ngày 08/06/2022.

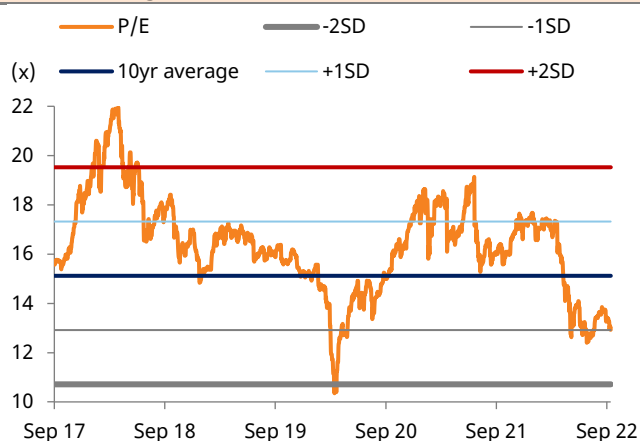
Lý do Công ty đưa ra là kinh tế thế giới có nhiều bất ổn và thị trường không thuận lợi.

Theo Nghị quyết ngày 08/06, HĐQT ASM đã thông qua phương án phát hành hơn 168 triệu cp cho cổ đông hiện hữu bằng phương thức thực hiện quyền mua. Tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cp sẽ được hưởng 1 quyền mua và cứ 2 quyền mua sẽ được mua thêm 1 cp mới).

Mức giá phát hành dự kiến là 12,000 đồng/cp. Nếu phát hành thành công, doanh nghiệp này sẽ thu về hơn 2,019 tỷ đồng; nâng vốn điều lệ từ hơn 3,365 tỷ đồng lên gần 5,048 tỷ đồng.

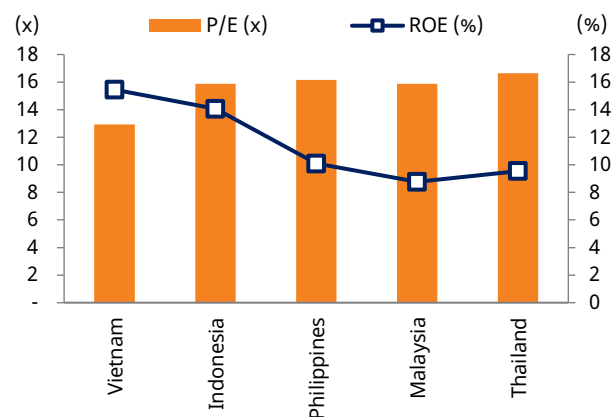
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

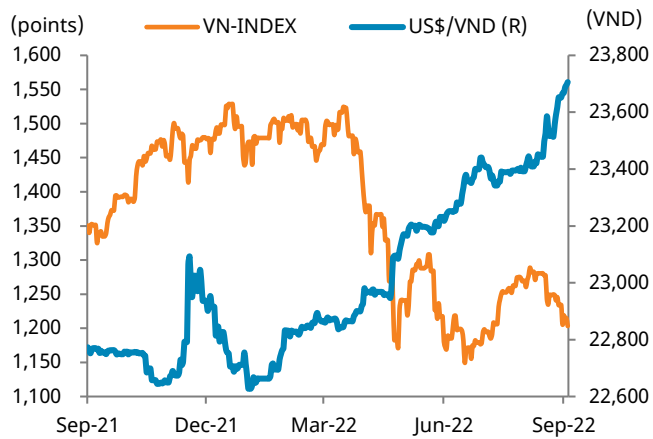
**Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường**



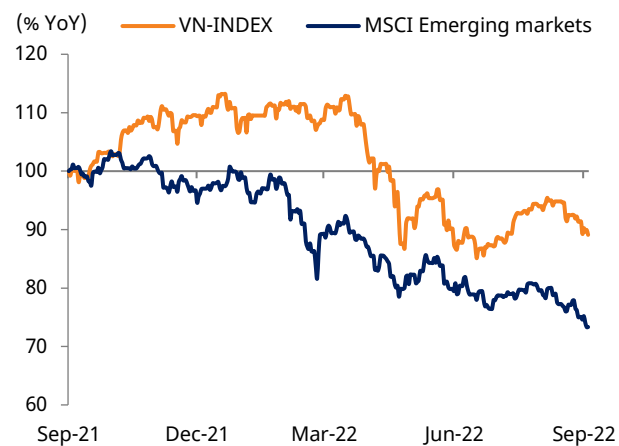
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND**

**Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets**

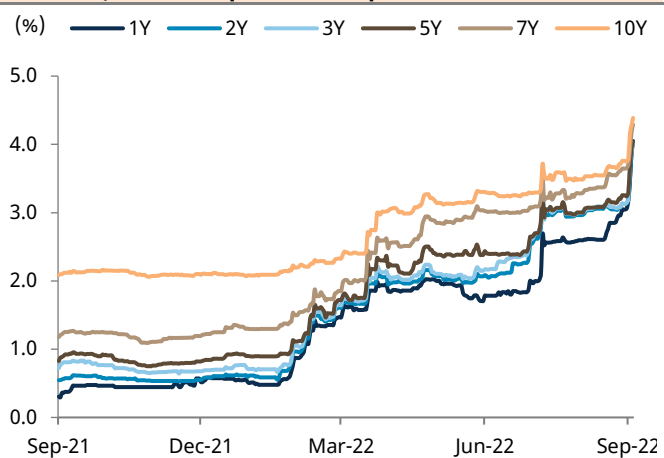


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



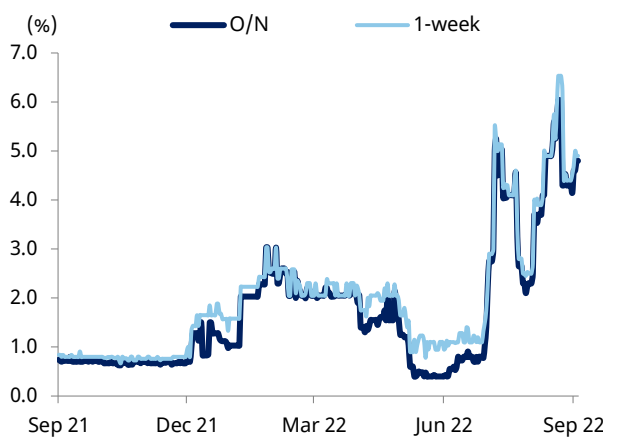
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

### Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

### Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>VN-Index</b>	<b>1,203.28</b>	<b>4,829,558</b>		<b>-0.9</b>	<b>-2.5</b>	<b>-5.3</b>	<b>-11.1</b>	<b>17.3</b>	<b>11.1</b>	<b>2.6</b>	<b>1.9</b>	<b>35.2</b>	<b>24.9</b>	<b>15.5</b>	<b>18.7</b>
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30</b>	<b>1,215.41</b>	<b>3,339,289</b>		<b>-1.1</b>	<b>-3.0</b>	<b>-5.9</b>	<b>-16.7</b>	<b>14.4</b>	<b>9.7</b>	<b>2.8</b>	<b>1.8</b>	<b>38.5</b>	<b>17.3</b>	<b>19.6</b>	<b>20.6</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	22,600	76,330	30.0	-0.9	-2.4	-8.9	-10.6	9.6	5.8	2.2	1.3	24.6	38.0	23.5	24.7
BIDV	BID VN	34,750	175,784	16.9	-1.1	-2.1	-12.0	10.8	19.1	12.6	2.3	1.8	50.3	60.1	11.0	16.9
Bao Viet Holdings	BVH VN	58,400	43,352	26.4	5.8	4.3	2.8	1.0	22.9	20.4	2.0	#N/A	21.8	12.1	9.2	9.9
VietinBank	CTG VN	25,000	120,144	26.9	-1.6	-4.6	-10.7	-20.9	9.8	6.1	1.7	1.1	18.2	39.8	15.8	19.7
FPT Corp	FPT VN	82,400	90,395	49.0	-0.6	-0.1	-5.3	6.2	20.9	16.4	5.0	4.2	21.5	38.5	23.4	28.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	112,500	215,319	3.0	1.4	1.4	-3.8	24.2	21.8	15.1	3.7	3.7	8.1	71.2	16.8	24.8
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,350	93,400	0.5	-1.1	-5.1	-2.5	-37.2	45.6	22.7	3.0	#N/A	10.3	-1.2	8.7	8.5
HDBank	HDB VN	24,300	48,897	18.1	-1.6	-2.8	-5.4	-4.3	11.0	6.0	2.2	#N/A	42.5	32.2	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	22,700	131,996	20.9	-1.3	-1.3	-4.0	-42.1	6.6	5.3	2.5	1.2	151.5	-22.5	42.8	22.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	31,300	22,437	31.0	-0.5	-7.7	-17.0	-18.0	27.5	15.7	3.4	1.9	3.1	22.1	12.2	13.0
MBBank	MBB VN	21,000	95,214	23.2	-1.2	-3.7	-9.5	-9.7	9.8	5.4	1.9	1.2	53.0	39.7	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	108,600	154,617	29.0	-1.3	-3.7	-3.6	-10.1	99.2	27.6	9.4	4.0	589.7	-35.0	35.1	14.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	69,400	101,581	49.0	-1.0	-3.6	3.7	5.2	22.2	18.0	5.2	3.4	18.2	12.0	27.3	24.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	84,500	164,761	5.5	-0.1	-2.2	3.0	7.5	2282.8	29.1	5.1	4.1	-18.7	59.6	10.6	14.5
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	50,800	34,120	2.6	-1.6	-5.0	-10.2	-14.1	29.4	#N/A	7.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	37,200	47,266	17.5	-0.9	-5.0	-15.5	-25.9	21.0	24.7	2.8	1.8	160.6	-15.8	9.7	5.8
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	22,300	47,001	20.5	-0.9	-2.0	-11.5	-20.4	13.1	5.6	3.3	1.4	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,400	31,381	2.7	-1.8	-6.0	-3.6	14.0	15.4	18.5	1.4	1.0	-24.2	-4.1	6.2	5.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	187,000	119,920	62.8	0.0	0.9	-1.6	18.2	26.5	23.9	4.6	4.9	-22.9	42.3	17.1	22.3
SSI Securities Corp	SSI VN	20,650	30,751	34.7	-2.1	-2.4	-18.7	-47.6	23.9	12.4	4.3	#N/A	100.3	-31.6	21.0	15.2
Sacombank	STB VN	21,450	40,438	21.7	-2.3	-4.5	-14.2	-19.4	17.0	9.5	1.8	1.0	30.6	38.9	9.5	12.0
Techcombank	TCB VN	34,200	120,290	22.4	-1.0	-5.0	-11.9	-31.9	10.1	5.5	2.0	1.1	46.1	20.6	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	25,050	39,623	30.0	-1.2	-4.8	-10.5	-18.6	12.5	6.4	2.6	1.2	28.5	20.3	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	75,900	359,198	23.5	-2.7	-5.1	-5.4	-2.7	17.6	12.9	3.4	2.6	19.7	40.1	19.6	21.9
Vinhomes JSC	VHM VN	57,200	249,070	23.1	-0.9	-4.0	-3.9	-27.9	12.0	8.1	3.1	1.7	40.9	-21.4	36.9	22.2
Vingroup JSC	VIC VN	62,600	238,752	12.2	-1.1	0.2	-3.7	-28.1	#N/A	29.7	3.6	2.2	-145.6	407.5	-2.8	7.6
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	112,800	61,094	16.2	-1.9	-2.5	-8.7	-8.8	#N/A	47.7	4.1	#N/A	6.1	1,602.2	0.5	7.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	76,700	160,300	55.0	-0.3	0.9	1.2	-15.5	19.1	18.0	5.8	4.7	-5.3	-5.9	29.3	27.1
VPBank	VPB VN	28,750	128,670	17.7	-1.9	-5.9	-7.9	-22.8	12.9	6.2	2.6	1.3	11.6	74.4	17.9	20.8
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,500	64,761	32.1	-0.5	-4.5	-1.2	-1.4	31.6	26.5	2.2	2.0	-44.8	85.9	4.4	7.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.